

Bản án số: 29/2024/HNGĐ ST
Ngày: 16/5/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Bình Quyền
2. Bà Lương Thị Huyền
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hà, KSV.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1994. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Th, xã Hoàng Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
- 2. Bị đơn:* Anh Lê Trọng T, sinh năm 1989. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Th, xã Hoàng Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2024, bản tự khai ngày 27/3/2024 của chị Nguyễn Thị Th thể hiện:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Trọng T tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoàng Th, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có quan hệ với người

phụ nữ khác, tôi có biết về trao đổi với anh T nhưng anh vẫn không thay đổi được, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng tôi đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị được ly hôn với anh Lê Trọng T.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung: Lê Thị Mai Phương, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lê Trọng Cường, sinh ngày 14/10/2017 hiện nay cả hai cháu sức khỏe bình thường. Nay ly hôn nguyện vọng của tôi được nuôi cháu Lê Thị Mai Phương và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay tôi làm công ty Delta mức thu nhập mỗi tháng 7triệu đồng.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 16/4/2023, bị đơn anh Lê Trọng T thể hiện: Tôi(T) và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn năm 2013 được UBND xã Hoàng Th, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong Thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi có mối quan hệ ngoài luồng. Nay cô Th làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi thời gian.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung: Lê Thị Mai Phương, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lê Trọng Cường, sinh ngày 14/10/2017. Hiện nay cả hai cháu sức khỏe bình thường. Nay ly hôn nguyện vọng của tôi được nuôi cháu hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ : Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Mai Phương: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về quá trình tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về tố tụng: + Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ nhưng bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Lê Trọng T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mai Phương cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Trọng Cường cho anh Lê Trọng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng và tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không

xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn anh Lê Trọng T và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Th là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Lê Trọng T có địa chỉ tại thôn Th, xã Hoàng Th, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn anh Lê Trọng T và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, lãnh đạo địa phương UBND xã Hoàng Th xác nhận: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Trọng T tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoàng Th, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được; Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung cháu Lê Thị Mai Phương, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lê Trọng Cường, sinh ngày 14/10/2017.

Ngày 16/4/2024 bị đơn anh Lê Trọng T đã được thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 13/5/2024 Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Lê Trọng T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Trọng T kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoằng Th cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Chị Th có nguyện vọng xin được ly hôn anh T. Anh T có nguyện vọng đề nghị Tòa án cho anh thời gian, đến nay chị Th vẫn cương quyết xin được ly hôn anh. Do đó, HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th là cho chị được ly hôn với anh Lê Trọng T là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị.

[2.2] *Về con:* Vợ chồng có 02 con chung cháu Lê Thị Mai Phương, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lê Trọng Cường, sinh ngày 14/10/2017.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Th: xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị Th là phù hợp vì cháu Phương đang còn nhỏ lại là con gái đến độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, hiện nay chị Th là công nhân Công ty Delta mức thu nhập 7triệu đồng một tháng. Nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị giao cháu Phương cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu của anh Lê Trọng T: Anh T có nguyện vọng nuôi cháu Lê Thị Mai Phương, Lê Trọng Cường. Xét thấy, việc giao cả hai cháu cho anh T nuôi là không phù hợp. Mặc dù, anh T là lao động tự do, có nhà ở nhưng cháu Phương là con gái hiện nay đang đến tuổi phát triển tâm sinh lý, cháu có nguyện vọng ở với mẹ, nguyện vọng của chị Th được nuôi cháu. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của anh T đối việc nuôi cháu Phương mà giao cho anh được nuôi cháu Lê Trọng Cường là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Th, anh Lê Trọng T không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] *Về tài sản:* Chị Nguyễn Thị Th, anh Lê Trọng T không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Lê Trọng T.

Về con chung: Công nhận cháu Lê Thị Mai Phương, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lê Trọng Cường, sinh ngày 14/10/2017 là con chung của anh Lê Trọng T và chị Nguyễn Thị Th.

Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Thị Mai Phương. Giao cho anh Lê Trọng T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Trọng Cường cho đến khi các cháu 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật.

Anh T, chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh T, chị Th và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu anh T, chị Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T, chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh, chị.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003774 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, bị đơn anh Lê Trọng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- TAND t. Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã H.Th;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phương